

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/DS-PT.

Ngày: 24 - 11- 2021.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tạm  
ứng (tiền mượn)”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Khải

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Thái Sơn

Ông Hồ Văn Luông

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Hùng Vĩ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng tạm ứng (tiền mượn)”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 97/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty A; Địa chỉ: Số 1, đường L, phường C, quận M, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trịnh T- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trương L - Chức vụ: Cán bộ đền bù - Phòng Tổ chức nhân sự; Địa chỉ: Lầu 1, Cao ốc A, số 2, đường 1, phường E, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi B; Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn C; Địa chỉ: Số 101, ấp T, thị trấn M, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang (theo giấy ủy quyền lập ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Văn phòng Công chứng A).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Theo nguyên đơn Công ty A trình bày:* Công ty A là đơn vị thi công công trình đường dây 500kV L, vào thời điểm năm 2016, do công trình chưa có phương án bồi thường đất bị thu hồi xây dựng móng trụ, vì vậy để được thi công xây dựng các móng trụ, Công ty A đã cho các hộ dân ứng trước số tiền bồi thường đất bị thu hồi khi nào Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang chi trả tiền thì các hộ dân sẽ hoàn trả lại tiền tạm ứng cho Công ty A. Cụ thể, ngày 15/3/2016 ông Bùi B đã nhận tạm ứng của Công ty A số tiền 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), đã ký vào biên nhận tiền và cam kết sẽ hoàn trả lại tiền tạm ứng cho đơn vị thi công khi nhận tiền bồi thường của nhà nước, việc này có sự chứng kiến và xác nhận của UBND xã N, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Ngày 07/01/2019, ông Bùi B được Nhà Nước chi trả tiền bồi thường đất, tuy nhiên ông B không trả lại tiền tạm ứng cho đơn vị thi công như đã cam kết. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Bùi B trả lại số tiền tạm ứng đã nhận là 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

*Theo bị đơn ông Bùi B trình bày như sau:* Đất của ông bị thu hồi để xây dựng móng trụ đường dây điện 500kV nhưng giá bồi thường hỗ trợ quá thấp, gia đình ông không đồng ý nên phía đơn vị thi công nhiều lần đến nhà ông thương lượng, cuối cùng đơn vị thi công đồng ý bồi thường, hỗ trợ cho ông tiền để được thi công đúng thời hạn, số tiền ông nhận là tiền đi tới lui thi công móng trụ, tiền xáng cạp lên xuống sạt lở đất, hư hao cây trồng, không nằm trong danh mục bồi thường của Nhà Nước và tiền bồi thường hai hàm cá lớn phải lắp phục vụ cho xáng cạp đi thuận tiện, tiền gửi cát, đá, xi măng, tiền ăn ở ngủ nghỉ của mấy

chục người thi công ở gần mấy tháng. Ông B xác định ông không đề nghị tạm ứng tiền từ đơn vị thi công. Đối với biên nhận tiền ông B cho rằng khi ký nhận tiền đơn vị thi công không đọc cho ông nghe nội dung, ông thì không nhìn rõ nên ký tên. Sau khi thi công xong công trình, đơn vị thi công có nhờ ông ký nhiều giấy tờ, ông nghĩ đã xong và đã nhận đủ tiền nên ký.

*Tại bản án sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A đối với bị đơn ông Bùi B.

Buộc ông Bùi B trả cho Công ty A số tiền là 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi B chậm trả số tiền là 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) nêu trên thì hàng tháng ông B còn phải trả cho Công ty A số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, bị đơn ông Bùi B kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên nhận tạm ứng tiền đền bù đất ký ngày 15/3/2016, khi ký thì nội dung giấy trắng nhưng nguyên đơn đã đánh máy và viết thêm nội dung. Chữ ký trong đơn của Ủy ban nhân dân xã và áp đều xác định ký sau khi các bên lập. Bị đơn cho rằng biên nhận tạm ứng tiền ký ngày 15/3/2016 đây là khoản tiền Công ty bồi thường cho bị đơn thông qua nhiều khoản thiệt hại, trong đó: Tiền xăng mức gây thiệt hại hoa màu của bị đơn, thiệt hại hầm cá của bị đơn và tiền nhân công ở trong thời gian thi công gộp chung các khoản là 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Cho nên, đây không phải là tiền tạm ứng nên

không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:* Về thủ tục tố tụng; quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, việc đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật, bị đơn thừa nhận có ký tên tại biên nhận tạm ứng tiền ký ngày 15/3/2016 và nhận đủ số tiền 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Nguyên đơn Công ty A cho rằng, vào ngày 15/3/2016 ông Bùi B có nhận tạm ứng của nguyên đơn 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) và có ký giấy biên nhận về việc tạm ứng tiền đền bù đất thu hồi công trình: Đường dây 500kV Nhiệt điện L, ông B cam kết sau khi nhận tiền bồi thường từ Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang sẽ trả lại cho đơn vị thi công nhưng không thực hiện việc trả tiền theo cam kết, từ đó phát sinh tranh chấp. Căn cứ vào nội dung tranh chấp, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tạm ứng (tiền mượn)”.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Bùi B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo giấy biên nhận ngày 15/3/2016 về việc tạm ứng tiền đền bù đất thu hồi công trình: Đường dây 500kV Nhiệt điện L đối với số tiền 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng); ông Bùi B thừa nhận có nhận tiền và ký tên giấy biên nhận ngày 15/3/2016 nhưng không xem lại nội dung. Số tiền 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) ông nhận từ đơn vị thi công là tiền hỗ trợ cho ông để được thi công đúng thời hạn và bồi thường các hạn mục khác không nằm trong danh mục bồi thường của Nhà Nước như: tiền xáng cạp lên xuống sạt lở đất, chi phí gửi vật tư, ăn ở ngủ nghỉ của công nhân đơn vị thi công, nên không phải tiền ông tạm ứng hay mượn của đơn vị thi công. Lời trình bày của ông Bùi B không được người

đại diện ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận; Bị đơn không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh cho lời trình bày của mình, không có giấy tờ chứng minh sự thỏa thuận đơn vị thi công là tiền hỗ trợ cho ông và bồi thường các hạn mục khác không nằm trong danh mục bồi thường của Nhà Nước, không chứng minh được nguyên đơn đã tự đánh máy và ghi thêm nội dung trong giấy biên nhận. Bị đơn thừa nhận có nhận 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) và ký vào giấy biên nhận ngày 15/3/2016 trong đó có nội dung “Khi Ban Bồi thường GPMB H Châu Thành A tổ chức chi trả tiền bồi thường theo Quyết định của UBND Tỉnh Hậu Giang, chủ hộ sẽ hoàn trả lại cho đơn vị thi công”. Theo công văn số 2427/UBND-TCD, ngày 05/11/2021 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và cũng như lời thừa nhận của bị đơn là ông B đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 1.012.216.762<sup>d</sup> (Một tỷ, không trăm mười hai triệu, hai trăm mười sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng) nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ cam kết trả lại số tiền 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) theo giấy biên nhận ngày 15/3/2016 về việc tạm ứng tiền đền bù đất thu hồi công trình: Đường dây 500kV Nhiệt điện Long Phú - Ô Môn, nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi B và yêu cầu của người đại diện ủy quyền của ông B tại phiên tòa; Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đồng quan điểm với Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 398 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với bị đơn Bùi B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Tuyên xử:**

Buộc ông Bùi B trả cho Công ty A số tiền 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi B chậm trả số tiền 122.520.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) nêu trên thì hàng tháng ông Bùi B còn phải trả cho Công ty A số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi B phải chịu 6.126.000<sup>d</sup> (Sáu triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Công ty A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.063.000<sup>d</sup> (Ba triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005662 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang (do Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 Miền Nam nộp tạm ứng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi B phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Bùi B đã nộp theo biên lai số 0007423 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 24 tháng 11 năm 2021.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện CTA;
- Chi cục THADS H. CTA;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Hoàng Khải**